

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2026



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025

Kính trình: **ĐHCD thường niên năm 2026 Công ty Sách và TBGD Miền Bắc**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2021/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, đã được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và Hội đồng quản trị Công ty công bố công khai theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được lập và kiểm toán theo đúng chuẩn mực và bao gồm đầy đủ:

- (1). Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- (2). Báo cáo kiểm toán độc lập.
- (3). Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025.
- (4). Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- (5). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- (6). Thuyết minh báo cáo tài chính.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025 của Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc được công bố trên website: <http://www.stbmienbac.vn/>

Kính trình Đại hội đồng xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

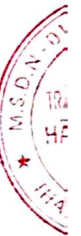
Hà Sỹ Chuẩn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 09 ngày 07/06/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 24, 25 liên kề 11, khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Sỹ Chuẩn	Chủ tịch
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên
Ông Dương Xuân Mộc	Thành viên
Bà Ngô Phương Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Dương Xuân Mộc	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Ngô Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Phương Linh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10/12/2025)
Ông Đặng Nam Bình	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/01/2026)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Dương Đình Thọ - Tổng Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2025)
Bà Nguyễn Thị Loan	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)
Bà Trần Phương Thanh	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)
Bà Lê Hồng Phương	Kiểm soát viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2025)
Bà Lê Thu Hương	Kiểm soát viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH VÀ THIẾT BỊ
GIÁO DỤC
MIỀN BẮC**

Đương Đình Thọ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số: 300326.029/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		212.134.413.177	143.130.126.085
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.461.147.493	14.994.013.636
111	1. Tiền		4.461.147.493	14.994.013.636
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	63.220.000	63.220.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		63.220.000	63.220.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		77.029.678.760	79.100.066.844
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	83.885.741.514	86.265.581.859
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	619.502.890	807.090.580
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	574.284.953	-
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.049.850.597)	(7.972.605.595)
140	IV. Hàng tồn kho	9	128.129.318.502	46.421.644.135
141	1. Hàng tồn kho		135.391.659.550	47.923.811.963
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.262.341.048)	(1.502.167.828)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.451.048.422	2.551.181.470
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.161.797.855	2.551.181.470
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		289.250.567	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.281.820.906	29.345.581.805
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.000.000	50.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	50.000.000	50.000.000
220	II. Tài sản cố định		26.592.139.814	27.550.060.731
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.189.732.651	7.217.050.305
222	- Nguyên giá		26.397.685.964	24.428.346.420
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.207.953.313)	(17.211.296.115)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	20.402.407.163	20.333.010.426
228	- Nguyên giá		20.648.716.504	20.539.225.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(246.309.341)	(206.214.574)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		15.120.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.120.000	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.212.500.000	1.212.500.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		412.061.092	533.021.074
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	412.061.092	533.021.074
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		240.416.234.083	172.475.707.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		137.972.607.482	70.162.548.182
310	I. Nợ ngắn hạn		137.942.607.482	70.102.548.182
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	120.202.954.665	46.875.724.610
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	163.812.070	1.685.712
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.048.255.267	2.767.383.013
314	4. Phải trả người lao động		14.914.587.675	19.500.651.753
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	533.497.897	269.814.977
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		79.499.908	687.288.117
330	II. Nợ dài hạn		30.000.000	60.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	30.000.000	60.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		102.443.626.601	102.313.159.708
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	102.443.626.601	102.313.159.708
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		36.027.776.057	31.699.535.408
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.869.801.109	5.148.427.668
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.546.049.435	15.465.196.632
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.458.715.335	1.187.727.803
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		9.087.334.100	14.277.468.829
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		240.416.234.083	172.475.707.890

Phạm Thị Chung
Người lập biểu

Đoàn Thị Phương
Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	608.507.019.766	777.939.728.919
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		608.507.019.766	777.939.728.919
11	3. Giá vốn hàng bán	19	522.851.793.743	675.197.300.467
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.655.226.023	102.742.428.452
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	210.846.481	1.570.897.857
22	6. Chi phí tài chính	21	17.880.590	157.323.502
25	7. Chi phí bán hàng	22	46.023.979.646	48.913.168.859
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	27.943.979.813	36.192.208.673
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.880.232.455	19.050.625.275
31	10. Thu nhập khác	24	192.069.142	413.212.585
32	11. Chi phí khác	25	468.651.394	1.042.279.876
40	12. Lợi nhuận khác		(276.582.252)	(629.067.291)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.603.650.203	18.421.557.984
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	2.516.316.103	3.994.089.155
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>9.087.334.100</u>	<u>14.427.468.829</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.817	2.164


Phạm Thị Chung
Người lập biểu

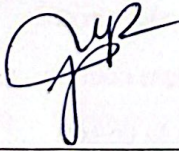

Đoàn Thị Phương
Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.603.650.203	18.421.557.984
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.036.751.965	3.024.398.792
03	- Các khoản dự phòng		5.837.418.222	92.434.657
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(210.195.151)	(231.658.378)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.267.625.239	21.306.733.055
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.690.382.515	(11.552.444.749)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(87.467.847.587)	(30.250.569.101)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		69.119.816.181	26.042.449.968
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		510.343.597	(553.292.197)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.218.284.775)	(5.068.425.871)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.510.000	33.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.064.655.416)	(3.180.372.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.149.110.246)	(3.222.921.395)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.093.951.048)	(2.522.573.874)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		210.195.151	231.658.378
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.883.755.897)	(2.290.915.496)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.532.866.143)	(11.013.836.891)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.994.013.636	26.007.850.527
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	4.461.147.493	14.994.013.636


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Đoàn Thị Phương
Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống kênh phân phối sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/06/2024.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 24, 25 liên kề 11, khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn), tương ứng 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 68 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 63 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính trong năm là:

- Phát hành sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục, báo chí, văn phòng phẩm...
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Trong năm, công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác để nhanh chóng thu hồi vốn.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT và tổng doanh thu. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán dựa theo tỷ lệ hàng tồn kho còn tồn cuối năm.
- Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 48 tháng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.14 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ lao động, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm và thực hiện các dịch vụ liên quan đến in ấn, địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.121.081.080	965.247.778
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.340.066.413	14.028.765.858
	<u>4.461.147.493</u>	<u>14.994.013.636</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	31/12/2025			01/01/2025		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu							
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (i)	EID	63.220.000	150.400.000	-	63.220.000	171.520.000	-
		63.220.000	150.400.000	-	63.220.000	171.520.000	-

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (EID) được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024 lần lượt là 23.500 VND/cổ phiếu và 26.800 VND/cổ phiếu.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2025		01/01/2025	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Khoản đầu tư khác					
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội (ii)	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
		1.212.500.000	-	1.212.500.000	-

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, in, chế bản sách

(ii) Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	336.203.630	-	2.384.121.970	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	-	-	288.928.880	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	28.727.560	-	50.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	644.800	-	869.657.690	-
Công ty CP sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	-	-	118.229.770	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	306.831.270	-	1.057.305.630	-
Bên khác	83.549.537.884	(8.034.761.447)	83.881.459.889	(7.957.516.445)
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu (i)	3.013.888.150	(3.013.888.150)	3.013.888.150	(3.013.888.150)
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Vĩnh Phúc	2.427.500.801	-	9.793.643.155	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Yên Bái	9.376.686.441	-	11.897.565.560	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	4.411.802.377	(4.411.802.377)	4.411.802.377	(4.334.557.375)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	15.939.597.426	-	13.200.973.465	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	6.693.350.684	-	9.558.226.958	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	11.531.595.785	-	9.272.661.466	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Nghệ An	14.343.628.812	-	5.410.406.900	-
Các khách hàng khác	15.811.487.408	(609.070.920)	17.322.291.858	(609.070.920)
	83.885.741.514	(8.034.761.447)	86.265.581.859	(7.957.516.445)

- (i) Nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm tại 2 cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu từ năm 2017 trở về trước nhưng chưa được nộp về Công ty. Công ty đã thành lập tổ công tác để rà soát lại số liệu và xác định trách nhiệm đối với những cá nhân có liên quan trong giai đoạn này. Theo Báo cáo kết quả làm việc số 02/TCT-STBMB của Tổ công tác ngày 12/05/2018 mặc dù đồng ý và ký trên các biên bản xác minh số liệu chi tiết

nhưng kế toán cửa hàng không đồng ý ký xác nhận số liệu tổng hợp lại từ các biên bản chi tiết này. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã trích dự phòng với toàn bộ số nợ phải thu nói trên.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	-	-	296.747.720	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	-	-	280.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	-	747.720	-
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	-	-	16.000.000	-
Bên khác	619.502.890	(15.089.150)	510.342.860	(15.089.150)
Viện nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	418.513.610	-	-	-
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	-	-	200.000.000	-
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	-	-	173.253.710	-
Các khách hàng khác	200.989.280	(15.089.150)	137.089.150	(15.089.150)
	619.502.890	(15.089.150)	807.090.580	(15.089.150)

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm chi Quỹ phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành (i)	574.284.953	-	-	-
	574.284.953	-	-	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
	50.000.000	-	50.000.000	-

(i) Khoản tạm chi Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành này sẽ được Công ty bù đắp bằng nguồn Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân phối từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sau khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối.

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.425.690.527	-	7.425.690.527	77.245.002
Công nợ tại cửa hàng	3.013.888.150	-	3.013.888.150	-
187B Giảng Võ và				
18/30 Tạ Quang Bửu				
Công ty CP Sách và	4.411.802.377	-	4.411.802.377	77.245.002
Thiết bị trường học				
Sơn La				
Các đối tượng khác	609.070.920	-	609.070.920	-
Trả trước cho người	15.089.150	-	15.089.150	-
bán ngắn hạn				
Các đối tượng khác	15.089.150	-	15.089.150	-
	8.049.850.597	-	8.049.850.597	77.245.002

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	57.621.901	-	24.014.294	-
Chi phí sản xuất kinh	-	-	49.816.967	-
doanh dở dang				
Thành phẩm	11.414.004.868	(1.401.168.361)	8.062.087.234	(1.278.749.589)
Hàng hoá	123.920.032.781	(5.861.172.687)	39.787.893.468	(223.418.239)
	135.391.659.550	(7.262.341.048)	47.923.811.963	(1.502.167.828)

Tại ngày 31/12/2025, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho:

- Hàng tồn kho là các loại sách, thiết bị ử dụng, lạc hậu, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ có tổng giá gốc là 4.896.089.512 VND, giá trị dự phòng là 1.790.682.472 VND.
- Hàng tồn kho là sách giáo khoa, sách bổ trợ theo chương trình GDPT 2018 không còn được sử dụng có tổng giá gốc là 10.942.804.385 VND, giá trị dự phòng là 5.471.658.576 VND. Theo Nghị quyết 281/NQ-CP ngày 15/09/2025, thực hiện mục tiêu của Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/08/2025, từ năm học 2026 - 2027 học sinh cả nước dùng chung 1 bộ sách, do đó dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại 31/12/2025 của Công ty tăng mạnh.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thuế GTGT chờ kết chuyển	551.299.801	392.543.865
Chi phí tổ chức bán thảo, phí quản lý xuất bản	1.189.950.485	1.514.562.860
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	420.547.569	644.074.745
	2.161.797.855	2.551.181.470
b) Dài hạn		
Chi phí hoàn thiện văn phòng	58.177.080	136.666.901
Chi phí trả trước dài hạn khác	353.884.012	396.354.173
	412.061.092	533.021.074

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.036.417.444	14.771.241.219	1.367.903.695	3.252.784.062	24.428.346.420
Mua trong năm	-	1.495.579.500	168.622.252	305.137.792	1.969.339.544
Số dư cuối năm	5.036.417.444	16.266.820.719	1.536.525.947	3.557.921.854	26.397.685.964
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.603.270.945	11.236.443.348	1.028.695.807	2.342.886.015	17.211.296.115
Khấu hao trong năm	446.391.672	1.868.871.577	232.988.369	448.405.580	2.996.657.198
Số dư cuối năm	3.049.662.617	13.105.314.925	1.261.684.176	2.791.291.595	20.207.953.313
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.433.146.499	3.534.797.871	339.207.888	909.898.047	7.217.050.305
Tại ngày cuối năm	1.986.754.827	3.161.505.794	274.841.771	766.630.259	6.189.732.651

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 11.182.222.593 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 8.842.963.680 VND).

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác. Khấu hao theo phương pháp này cao hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 458.051.677 VND.



12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.300.000.000	239.225.000	20.539.225.000
Mua trong năm	-	109.491.504	109.491.504
Số dư cuối năm	20.300.000.000	348.716.504	20.648.716.504
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	206.214.574	206.214.574
Khấu hao trong năm	-	40.094.767	40.094.767
Số dư cuối năm	-	246.309.341	246.309.341
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.300.000.000	33.010.426	20.333.010.426
Tại ngày cuối năm	20.300.000.000	102.407.163	20.402.407.163

(*) Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng 02 lô đất tại Khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông được Công ty mua để làm trụ sở, có thời gian sử dụng lâu dài nên Công ty không trích khấu hao.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	119.545.378.109	119.545.378.109	46.875.724.610	46.875.724.610
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	119.545.378.109	119.545.378.109	46.875.724.610	46.875.724.610
Bên khác	657.576.556	657.576.556	-	-
Công ty TNHH ST Thành Trung	657.576.556	657.576.556	-	-
	120.202.954.665	120.202.954.665	46.875.724.610	46.875.724.610

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Bên khác	163.812.070	1.685.712
Công ty CP Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	163.094.070	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	718.000	1.685.712
	163.812.070	1.685.712

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	172.121.519	1.512.458.574	1.684.580.093	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.494.089.155	2.740.511.723	3.218.284.775	2.016.316.103
Thuế thu nhập cá nhân	101.172.339	3.840.086.098	3.909.319.273	31.939.164
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	-	51.860.669	51.860.669	-
	2.767.383.013	8.144.917.064	8.864.044.810	2.048.255.267

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	74.648.065	100.245.145
Các khoản phải trả, phải nộp khác	458.849.832	169.569.832
- Phải trả khác	458.849.832	169.569.832
	533.497.897	269.814.977
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	60.000.000
	30.000.000	60.000.000

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	26.712.641.179	4.399.363.794	16.019.005.274	97.131.010.247
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.427.468.829	14.427.468.829
Trích lập các quỹ	-	4.986.894.229	749.063.874	(5.735.958.103)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.595.319.368)	(3.595.319.368)
Tạm trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	31.699.535.408	5.148.427.668	15.465.196.632	102.313.159.708
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	31.699.535.408	5.148.427.668	15.465.196.632	102.313.159.708
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.087.334.100	9.087.334.100
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Trích lập các quỹ (i)	-	4.328.240.649	721.373.441	(5.049.614.090)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(3.456.867.207)	(3.456.867.207)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	36.027.776.057	5.869.801.109	10.546.049.435	102.443.626.601

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số tiền</u> VND
Lợi nhuận sau thuế	100,00%	14.427.468.829
Trích Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	30,00%	4.328.240.649
Trích Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	721.373.441
Trích Quỹ khen thưởng	10,00%	1.442.746.883
Trích Quỹ phúc lợi	10,00%	1.442.746.883
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (*)	5,00%	721.373.441
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.100 VND)	38,12%	5.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	1,88%	270.987.532

(*) Trong đó, đã tạm trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 số tiền là 150.000.000 VND, số trích trong năm 2025 là 571.373.441 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2025</u> VND	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2025</u> VND	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	46,00%	23.000.000.000	46,00%
Các cổ đông khác	27.000.000.000	54,00%	27.000.000.000	54,00%
	<u>50.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2025</u> VND	<u>Năm 2024</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.500.000.000	5.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.500.000.000	5.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	5.500.000.000	5.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.500.000.000	5.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	36.027.776.057	31.699.535.408
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.869.801.109	5.148.427.668
	<u>41.897.577.166</u>	<u>36.847.963.076</u>

18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	577.736.358.585	737.703.236.012
Doanh thu bán thành phẩm	30.770.661.181	40.179.785.660
Doanh thu khác	-	56.707.247
	<u>608.507.019.766</u>	<u>777.939.728.919</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

	28.815.895.768	55.462.067.514
--	----------------	----------------

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hoá đã bán	498.354.833.034	653.607.203.172
Giá vốn của thành phẩm đã bán	18.736.787.489	22.735.848.267
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.760.173.220	(1.205.357.722)
Giá vốn khác	-	59.606.750
	<u>522.851.793.743</u>	<u>675.197.300.467</u>

Mua hàng từ các bên liên quan
Tổng giá trị mua vào:
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

	585.723.023.776	667.476.871.520
--	-----------------	-----------------

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.895.151	65.073.378
Cổ tức, lợi nhuận được chia	158.300.000	166.585.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	651.330	1.339.239.479
	<u>210.846.481</u>	<u>1.570.897.857</u>

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

	158.300.000	1.484.008.707
--	-------------	---------------

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	17.880.590	157.323.502
	<u>17.880.590</u>	<u>157.323.502</u>

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	9.223.183
Chi phí nhân công	21.028.716.176	23.475.498.586
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	475.917.588	124.589.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	262.797.023	504.045.665
Thuế, phí và lệ phí	144.854.998	326.946.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.782.003.781	13.681.315.461
Chi phí khác bằng tiền	12.329.690.080	10.791.549.815
	<u>46.023.979.646</u>	<u>48.913.168.859</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	10.028.318.288	12.204.544.582
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	878.050.114	1.433.323.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.773.954.942	2.520.353.127
Thuế, phí và lệ phí	14.734.647	294.101.508
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	77.245.002	1.297.792.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.543.225.163	5.720.857.937
Chi phí khác bằng tiền	11.628.451.657	12.721.235.746
	<u>27.943.979.813</u>	<u>36.192.208.673</u>

24 THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thanh lý sách thừa sau kiểm kê	-	404.422.350
Thu nhập từ dịch vụ dán tem điều chỉnh giá bìa SGK chương trình GDPT 2018	192.036.111	
Thu nhập khác	33.031	8.790.235
	<u>192.069.142</u>	<u>413.212.585</u>

25 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế và truy thu thuế	275.459.641	1.041.523.817
Chi phí dịch vụ dán tem điều chỉnh giá bia SGK chương trình GDPT 2018	193.165.373	-
Các khoản khác	26.380	756.059
	468.651.394	1.042.279.876

26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.603.650.203	18.421.557.984
Các khoản điều chỉnh tăng	1.136.230.312	2.190.720.717
- Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế và truy thu thuế	360.276.687	1.041.523.817
- Khấu hao xe ô tô nguyên giá vượt 1,6 tỷ VND	487.980.353	487.980.353
- Thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành và các chi phí không được trừ khác	77.000.000	160.500.000
- Chi trang phục vượt định mức	151.000.000	386.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	59.973.272	114.716.547
Các khoản điều chỉnh giảm	(158.300.000)	(641.832.927)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(158.300.000)	(166.585.000)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã loại trừ năm trước	-	(466.707.927)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(8.540.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	12.581.580.515	19.970.445.774
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.516.316.103	3.994.089.155
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	224.195.620	798.752.204
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.494.089.155	2.769.673.667
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.218.284.775)	(5.068.425.871)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.016.316.103	2.494.089.155

27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.087.334.100	14.427.468.829
Các khoản điều chỉnh :		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích từ lợi nhuận trong năm (i)	-	150.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	-	3.456.867.207
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.087.334.100	10.820.601.622
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.817	2.164

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2024 được tạm xác định với tổng tỷ lệ trích là 25% Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua và số liệu này phù hợp với Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa phê duyệt kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.483.832.971
Chi phí nhân công	31.057.034.464	35.680.043.168
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.706.866.789	1.449.641.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.036.751.965	3.024.398.792
Thuế, phí và lệ phí	159.589.645	621.048.259
Chi phí dự phòng	77.245.002	1.297.792.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.440.115.591	40.395.771.066
Chi phí khác bằng tiền	23.958.141.737	26.945.544.134
	97.435.745.193	110.898.072.002

29 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

30 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cổ đông lớn Đơn vị phụ thuộc của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP sách và Thiết bị Giáo Dục Cửu Long	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường phổ thông Công nghệ giáo dục	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Tập đoàn ECI	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách Dân tộc	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	28.815.895.768	55.462.067.514
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	5.940.000	381.382.553
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	-	135.690.600
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	550.985.400	1.033.319.442
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	113.537.366	-
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	349.807.020	3.229.255.910
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	810.334.211	2.019.999.730
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.821.700.516	743.129.535
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	316.802.880	523.268.560
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	2.346.240.384	3.633.327.665
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	7.194.252	8.822.909
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	19.358.592.793	42.069.877.387
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	113.537.366	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định	2.020.441.500	1.673.701.700
Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	-	789.923
Công ty CP Sách Dân tộc	782.080	9.501.600
Mua hàng hóa, dịch vụ	585.723.023.776	667.476.871.520
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	20.971.688	2.047.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	42.299.400	115.398.490
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	1.913.956.670	2.116.325.150
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	211.088.820	780.515.491
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	15.079.031.220	13.706.622.755
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	47.837.640	455.968.335
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	29.600.668	160.790.042
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định	3.585.764.410	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	7.605.695.300	11.346.076.628
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	135.170.253	212.471.170
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	160.012.570	126.283.245
Công ty CP Tập đoàn ECI	-	3.949.400
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	553.681.297.868	636.606.304.025
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	8.091.429	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	7.665.075	-
Công ty CP Sách Dân tộc	56.216.000	565.612.189
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	1.655.621.413	5.962.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	402.951.610	694.192.240
Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	918.306.970	557.811.360
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	52.046.669	20.541.500
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	109.398.103	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	1.317.423.707
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	1.317.423.707
Cổ tức, lợi nhuận được chia	158.300.000	166.585.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	12.800.000	8.960.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	145.500.000	157.625.000

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chia cổ tức	2.530.000.000	2.530.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.530.000.000	2.530.000.000

Thu nhập từ Quỹ điều hành và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Hà Sĩ Chuẩn	Chủ tịch HĐQT	127.500.000	265.500.000
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	299.000.000	378.000.000
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên HĐQT	53.000.000	89.000.000
Ông Dương Xuân Mộc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	265.000.000	282.000.000
Bà Ngô Phương Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	247.000.000	282.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 22/04/2025)	20.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 22/04/2025)	26.000.000	30.500.000
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 22/04/2025)	10.000.000	
Bà Trần Phương Thanh	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 22/04/2025)	10.000.000	-
Bà Lê Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 22/04/2025)	19.000.000	21.000.000
Bà Lê Hồng Phương	Thành viên Ban kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 22/04/2025)	14.000.000	21.000.000
Bà Đoàn Thị Phượng	Kế toán trưởng	162.000.000	-


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Đoàn Thị Phượng
Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

